

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN N
THÀNH PHỐ C**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 62/2023/DSST

Ngày: 20/4/2023

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN N, THÀNH PHỐ C

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Mỹ Tr**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Trần Ngọc B**

2. Bà **Nguyễn Thị Mai H**

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà **Trần Thị Kiều Tr** – Thư ký Tòa án nhân dân quận N.

Ngày 20 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận N tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 506/2022/TLST-DS ngày 28 tháng 10 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 211/2023/QĐST-DS ngày 28 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP K

Địa chỉ: Số 40-42-44, Phạm Hồng Thái, phường V, thành phố R, tỉnh K.

Địa chỉ liên hệ: Số 161/3B, Quốc lộ 1A, phường L, quận C, thành phố C.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Lý Duy Kh** sinh năm 1996 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

(Văn bản ủy quyền ngày 03/02/2023)

Địa chỉ: Số 38 - 40, Đại lộ Hòa Bình, phường A, quận N, thành phố C.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T sinh năm 1978 (vắng mặt)

Hộ khẩu thường trú: 167, ấp Tân Lợi 2, phường T, quận Th, thành phố C.

Địa chỉ: Số 14/11, Bà Huyện Thanh Quang, phường Th, quận N, thành phố C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 26/12/2017, ông Nguyễn Văn T có đề xuất vay vốn hình thức thẻ tín dụng tại Ngân hàng TMCP K theo giấy đăng ký phát hành kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế Kienlongbank số 0090/17/TC/0401-5132 với nội dung sau:

Hạn mức thẻ 50.000.000 đồng, loại thẻ Visa Classic, lãi suất 22%/năm, phương thức trả nợ và điều kiện áp dụng theo quy định của ngân hàng về sản phẩm thẻ tín dụng quốc tế.

Trong quá trình sử dụng thẻ, ông Nguyễn Văn T vi phạm hợp đồng. Ngân hàng đã nhiều lần thông báo, nhắc nhở và ông T cũng cam kết nhưng không thực hiện đúng cam kết, cố tình trốn tránh thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Tính đến ngày 20/4/2023, ông Nguyễn Văn T còn nợ Ngân hàng số tiền là:

+ Nợ gốc:	22.559.079 đồng.
+ Nợ lãi:	16.979.263 đồng.
+ Phạt chậm trả lãi:	19.183.171 đồng.
+ Phạt vượt hạn mức:	1.003.703 đồng.
Tổng:	59.725.216 đồng.

Nay ngân hàng khởi kiện yêu ông Nguyễn Văn T phải trả cho ngân hàng số tiền tính đến ngày 20/4/2023 là 59.725.216 đồng. Trong đó: nợ gốc 22.559.079 đồng, nợ lãi 16.979.263 đồng, phạt chậm trả lãi 19.183.171 đồng, phạt vượt hạn mức 1.003.703 đồng. Ông Nguyễn Văn T phải tiếp tục trả lãi phát sinh từ ngày 21/4/2023 theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng cho đến khi thanh toán xong nợ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn hợp lệ nhưng bị đơn ông Nguyễn Văn T vắng mặt. Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Xét về thủ tục tố tụng:

- *Về quan hệ pháp luật:* Ngân hàng TMCP K với ông Nguyễn Văn T ký kết hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng. Do ông Nguyễn Văn T vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn T phải thanh toán nợ theo hợp đồng đã ký kết. Tòa án xác định quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận N theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về vắng mặt người tham gia tố tụng:

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông Nguyễn Văn T đã được Tòa án cấp tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét về nội dung:

Theo tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đủ cơ sở xác định giữa ngân hàng với ông Nguyễn Văn T có ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số 0090/17/TC/0401-5132 ngày 26/12/2017. Hạn mức thẻ 50.000.000 đồng, loại thẻ Visa Classic, lãi suất 22%/năm, phương thức trả nợ và điều kiện áp dụng theo quy định của ngân hàng về sản phẩm thẻ tín dụng quốc tế. Trong quá trình sử dụng thẻ, ông Nguyễn Văn T vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng. Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn đối với khoản nợ vay đúng theo quy định Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng.

Hợp đồng tín dụng thể hiện các bên thỏa thuận mức lãi suất, phạt chậm trả lãi, phạt vượt hạn mức phù hợp với quy định của pháp luật tại thời điểm giao kết hợp đồng nên ngân hàng yêu cầu ông Nguyễn Văn T thực hiện nghĩa vụ trả số tiền nợ lãi phạt chậm trả lãi, phạt vượt hạn mức là có cơ sở chấp nhận.

Tính đến ngày 20/4/2023, ông Nguyễn Văn T còn nợ Ngân hàng số tiền là:

+ Nợ gốc:	22.559.079 đồng.
+ Nợ lãi:	16.979.263 đồng.
+ Phạt chậm trả lãi:	19.183.171 đồng.
+ Phạt vượt hạn mức:	1.003.703 đồng.
Tổng:	59.725.216 đồng.

Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn T phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày 20/4/2023 là 59.725.216 đồng Trong đó: nợ gốc 22.559.079 đồng, nợ lãi 16.979.263 đồng, phạt chậm trả lãi 19.183.171 đồng, phạt vượt hạn mức 1.003.703 đồng. Ông Nguyễn Văn T phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong nợ là đúng quy định khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Do đó, yêu cầu khởi kiện của ngân hàng là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn ông Nguyễn Văn T phải chịu là 2.986.260 đồng (*Hai triệu, chín trăm tám mươi sáu nghìn, hai trăm sáu mươi đồng*).

Ngân hàng TMCP K được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.104.500 đồng (*Một triệu, một trăm lẻ bốn nghìn, năm trăm đồng*) theo biên lai thu số 0000150 ngày 14/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận N, thành phố C.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 3 Điều 26, Điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm e khoản 1 Điều 192, Điều 147, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.
- Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP K.

Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn T có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP K tổng số tiền 59.725.216 đồng. Trong đó: Nợ gốc 22.559.079 đồng, nợ lãi tính đến ngày 20/4/2023 là 16.979.263 đồng, phí phạt chậm trả 19.183.171 đồng, phí vượt hạn mức 1.003.703 đồng. Ông Nguyễn Văn T phải chịu lãi suất phát sinh theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã ký kết tính từ ngày 21/4/2023 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ cho ngân hàng.

2. *Về án phí dân sự sơ thẩm:*

Bị đơn ông Nguyễn Văn T phải chịu là 2.986.260 đồng (*Hai triệu chín trăm tám mươi sáu nghìn, hai trăm sáu mươi đồng*).

Ngân hàng TMCP K được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.104.500 đồng (*Một triệu, một trăm lẻ bốn nghìn, năm trăm đồng*) theo biên lai thu số 0000150 ngày 14/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận N, thành phố C.

3. *Về quyền kháng cáo:*

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhân:

- Đương sự;
- TAND thành phố C;
- VKSND quận N;
- Chi cục THADS quận N;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Mỹ Tr